

PBT TRONG PHẠM VI 100: SỐ CÓ 2 CHỮ SỐ, CHỤC VÀ ĐƠN VỊ, XĂNG TI MÉT – LỚP 1 (TIẾP 3)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

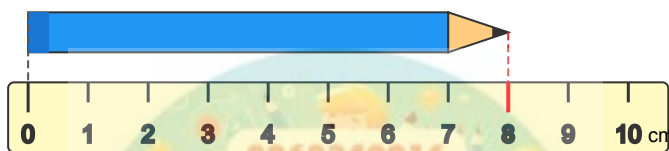
Câu 1: Số 85 đọc là:

- A. Tám mươi năm B. Tám năm C. Tám mươi lăm D. Tám lăm

Câu 2: Số gồm 9 chục và 4 đơn vị viết là:

- A. 904 B. 94 C. 49 D. 90

Câu 3: Chiếc bút chì dài:



- A. 6 cm B. 7 cm C. 8 cm D. 9 cm

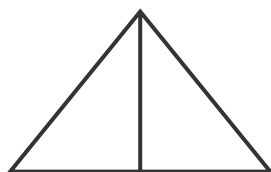
Câu 4: Trong các số dưới đây, số lớn nhất là:

- A. 38 B. 82 C. 59 D. 71

Câu 5: Các số 25, 19, 80, 43 được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. 80, 43, 25, 19 B. 19, 43, 25, 80
C. 19, 25, 43, 80 D. 25, 19, 80, 43

Câu 6: Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?



- A. 1 hình B. 2 hình C. 3 hình D. 4 hình

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Điền dấu >, <, = vào ô trống:

72 27

50 + 4 54

98 89

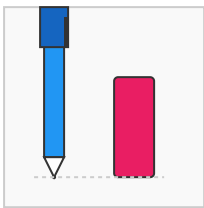
10 + 20 40

Bài 2: Viết vào chỗ chấm thích hợp:

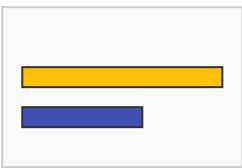
- Số 56 gồmchục vàđơn vị.
- Số 80 gồmchục vàđơn vị.

Bài 3: Sắp xếp các số 67, 32, 91, 48 theo thứ tự từ lớn đến bé:

Bài 4: Điền vào chỗ trống "dài hơn" hoặc "ngắn hơn" và điền số thích hợp:

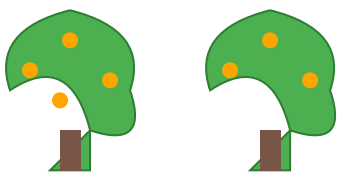


Cục tẩy chiếc bút.



Bút chì thỏi màu.

Bài 5: Điền số thích hợp vào chỗ chấm:



Có tất cả quả cam trên hai cây.

Bài 6: Viết số thích hợp vào ô trống:

